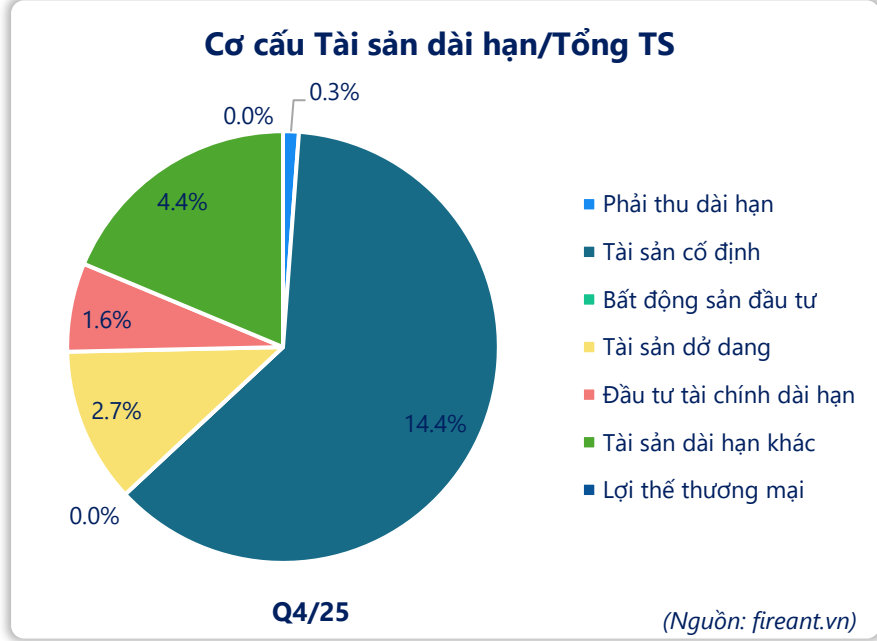
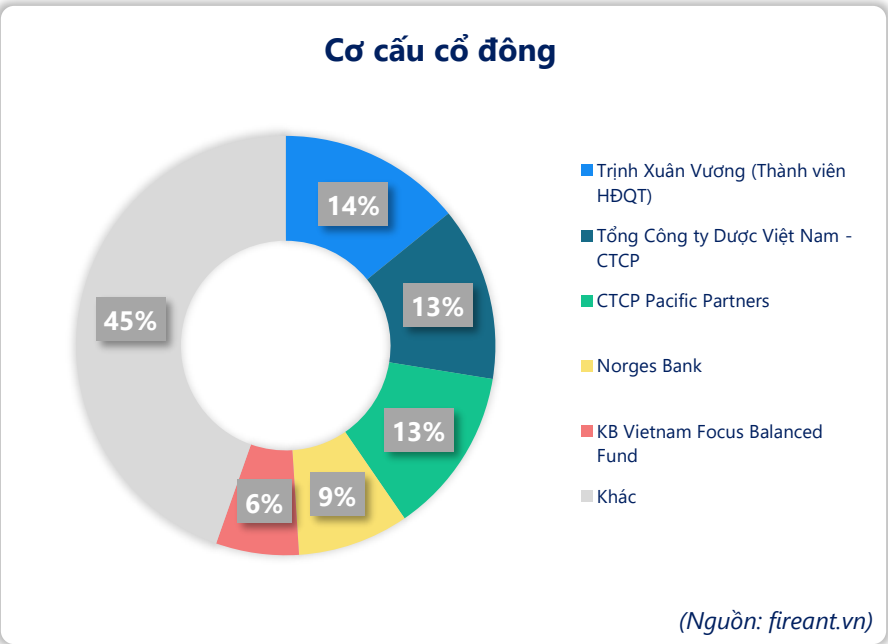
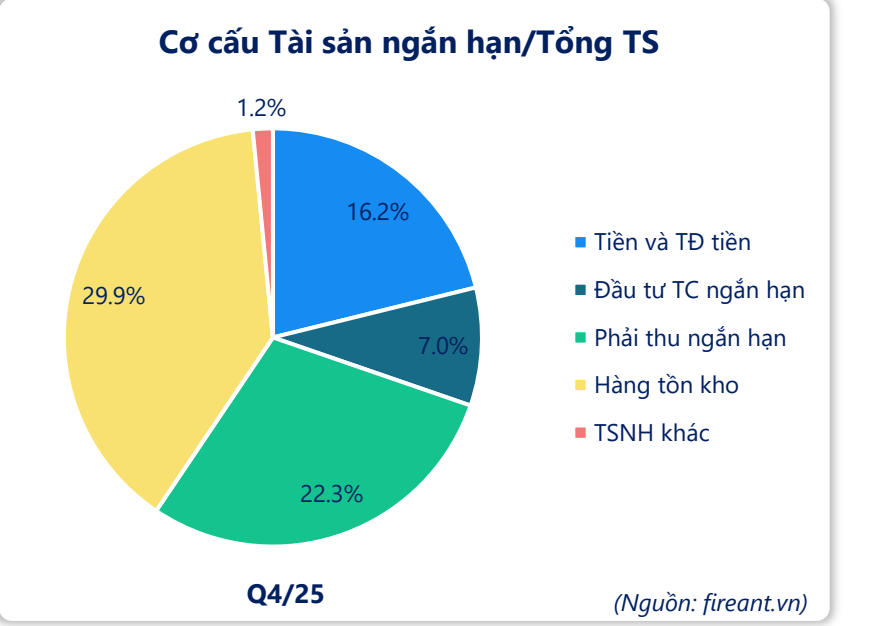
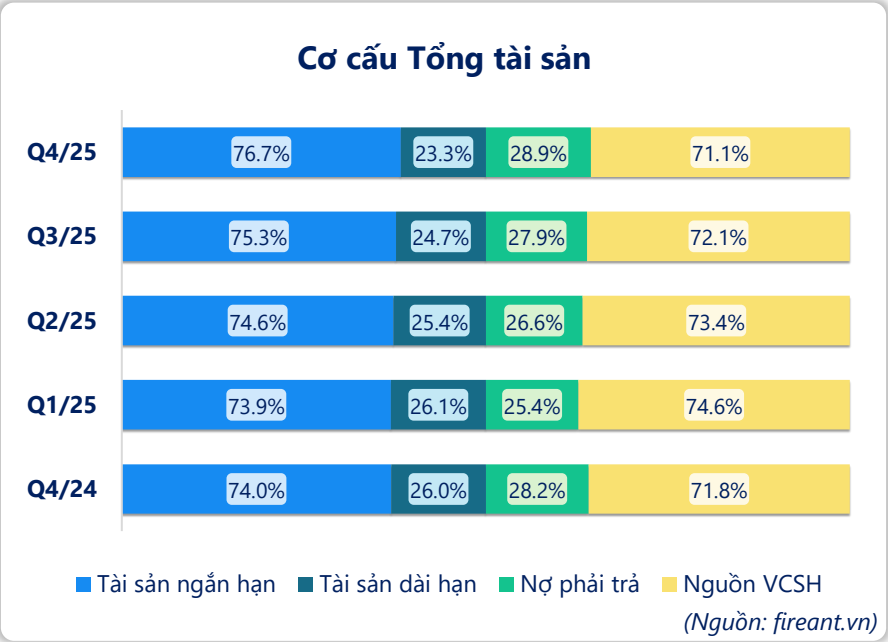
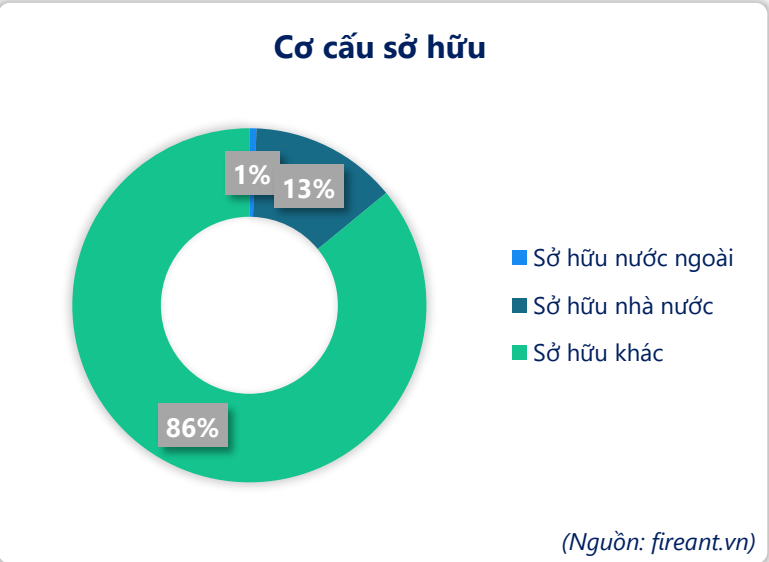
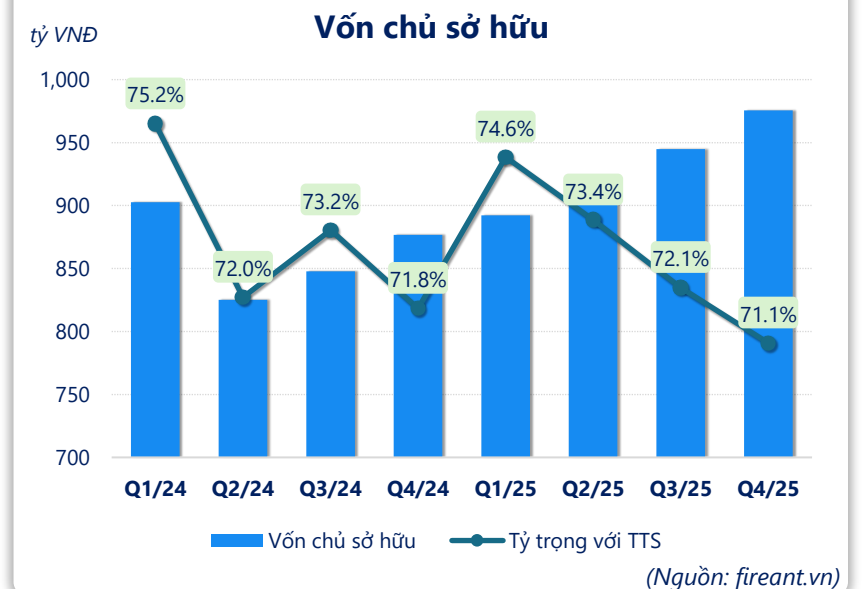
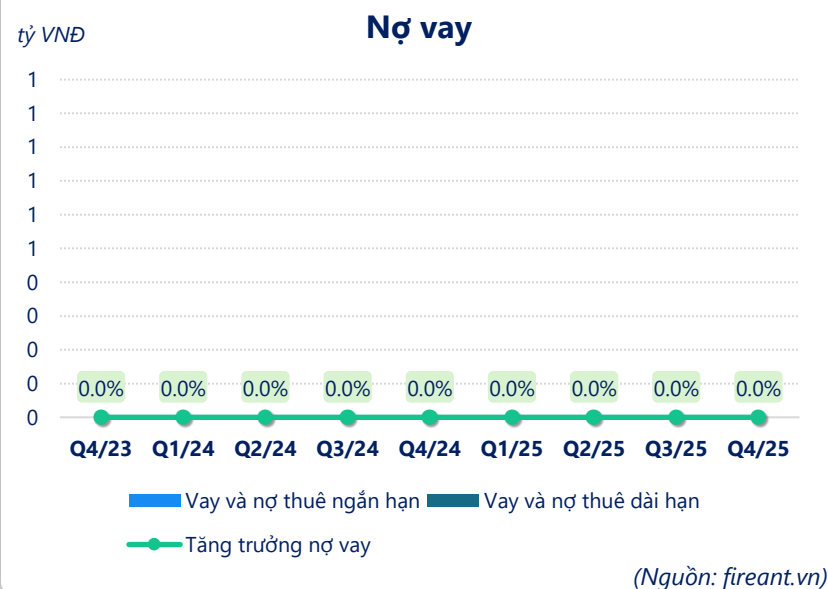
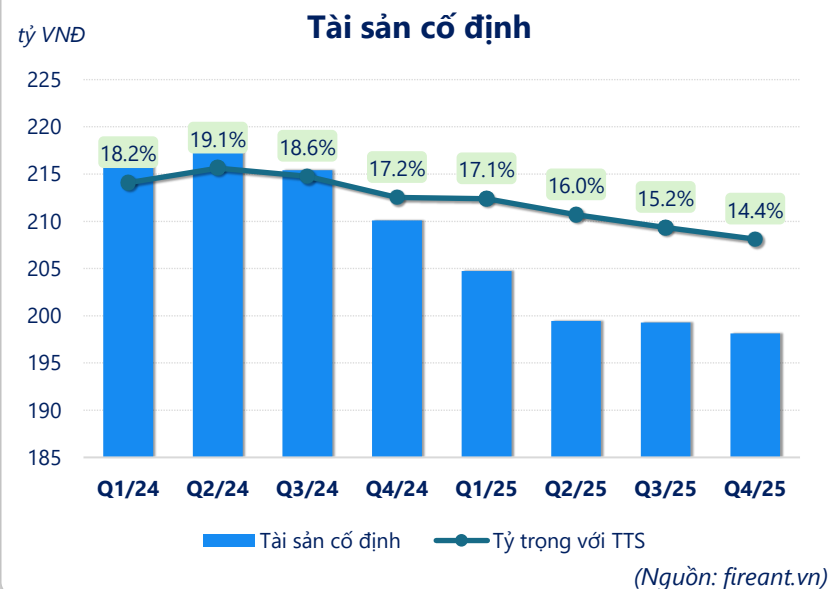
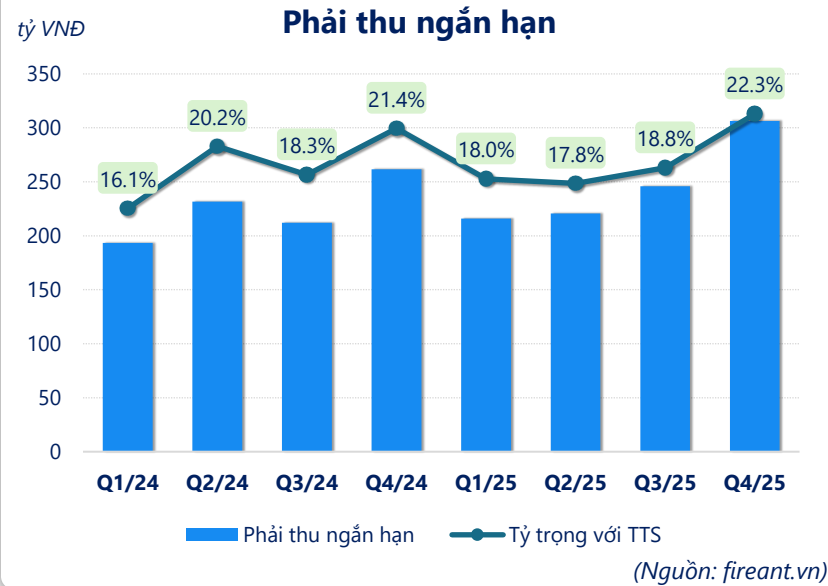
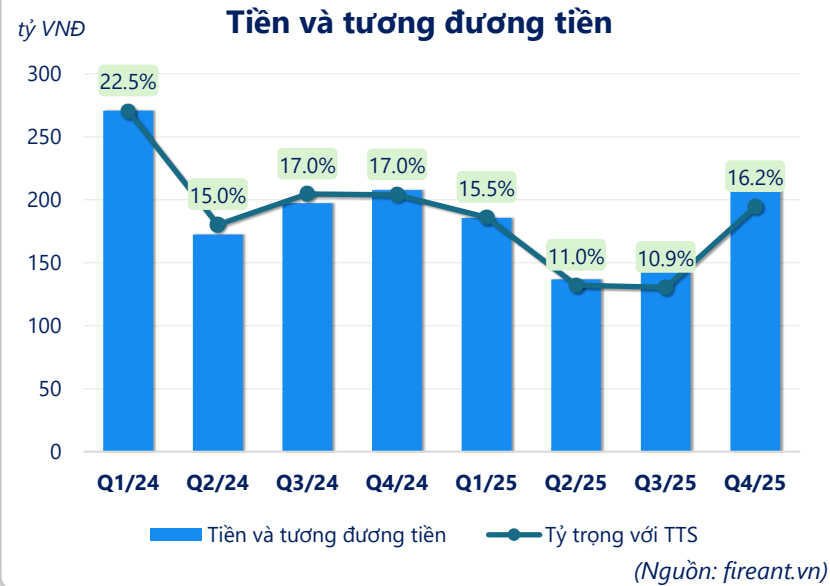
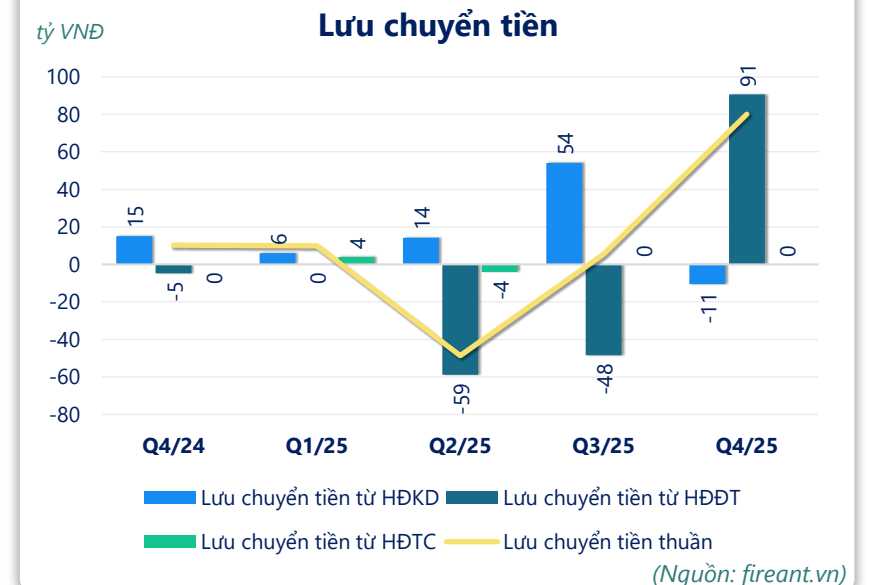
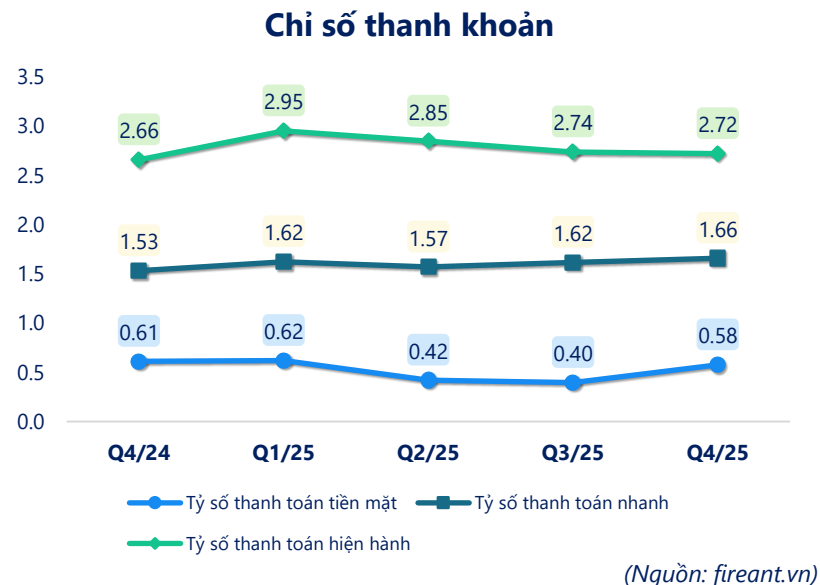
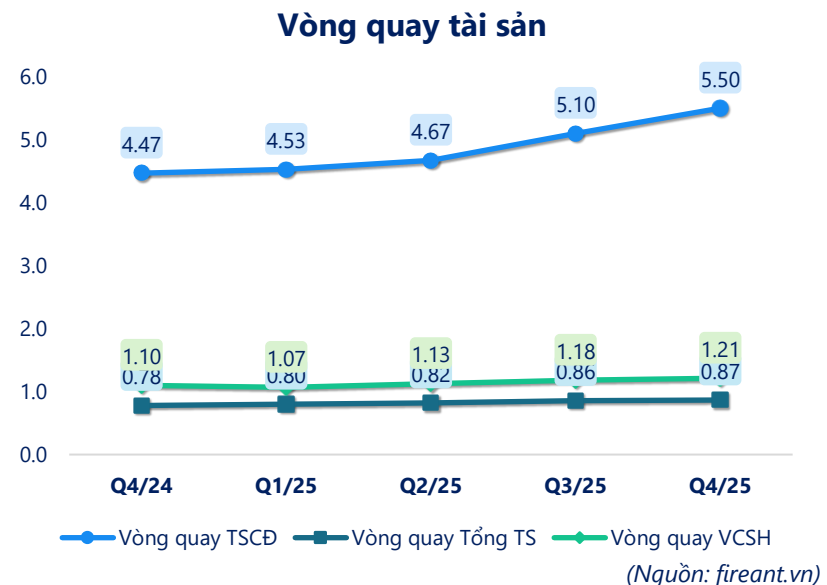
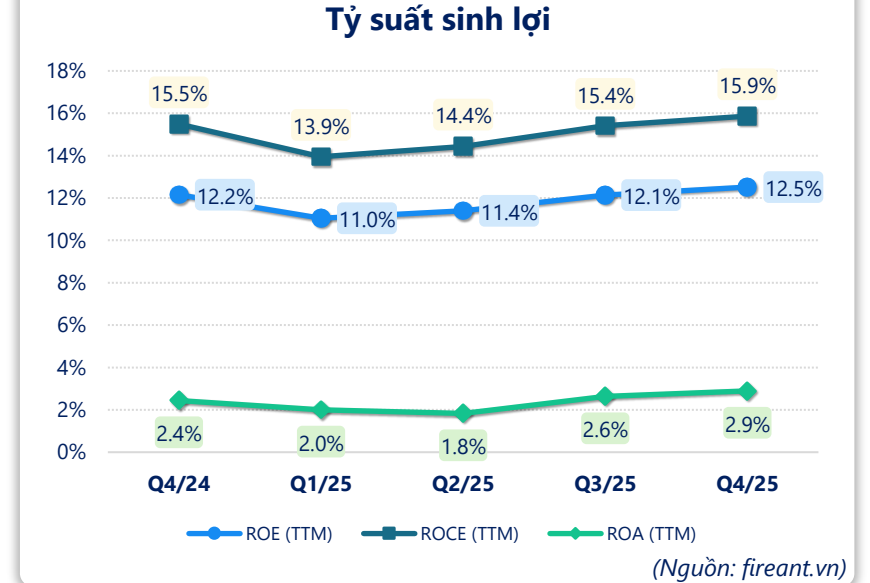
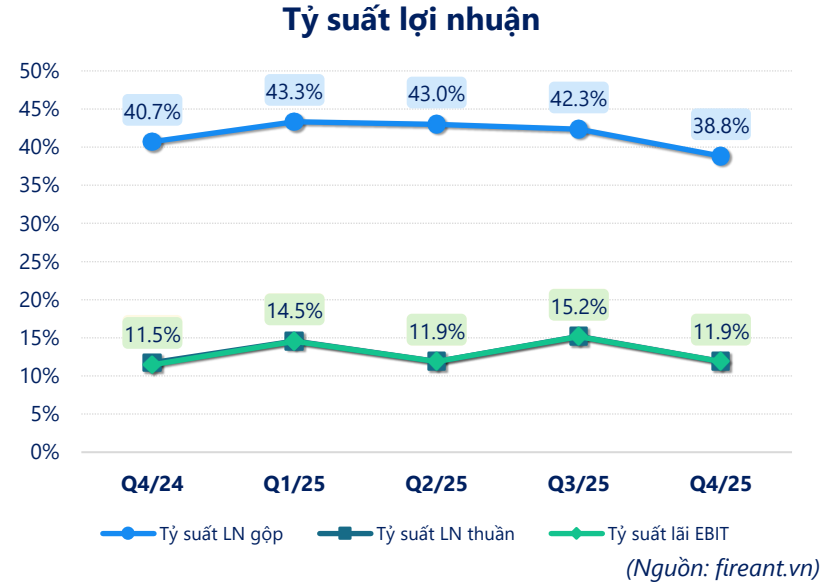
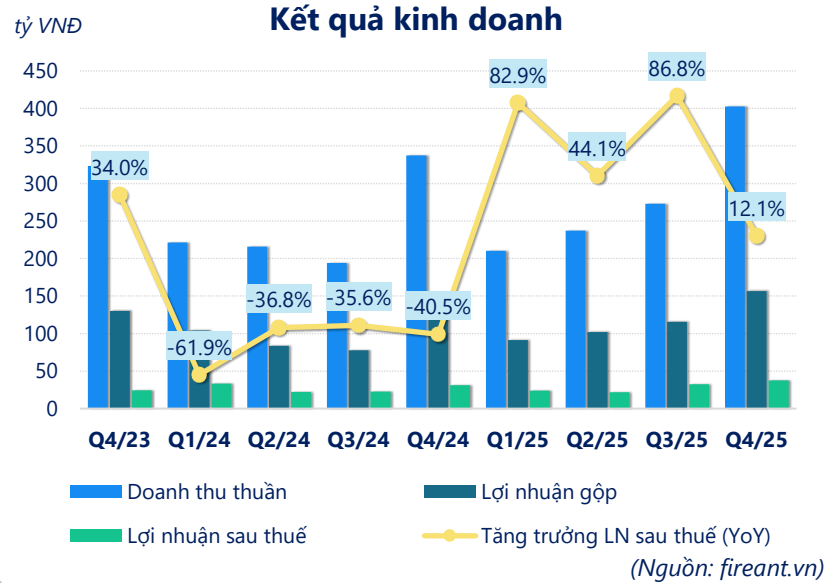


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		24,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		25,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		21,800
SL cổ phiếu LH		64,050,892
KLGD BQ 20 phiên (CP)		156,465
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,537
P/E		13.3
EPS		1,810

	YTD	1T	3T	6T
OPC	-4.0%	7.1%	7.1%	-4.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,372	1,222	12.3%
Tài sản ngắn hạn	1,051	904	16.3%
Tiền và tương đương tiền	222	176	26.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	96.0	71.1	35.0%
Phải thu ngắn hạn	307	261	17.3%
Hàng tồn kho	410	383	7.1%
Tài sản ngắn hạn khác	16.2	12.9	26.3%
Tài sản dài hạn	320	318	0.8%
Phải thu dài hạn	3.80	3.79	0.3%
Tài sản cố định	198	210	-5.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	37.2	24.3	53.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	21.3	25.0	-14.8%
Tài sản dài hạn khác	59.9	54.6	9.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	396	345	14.9%
Nợ ngắn hạn	387	340	13.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	61.3	64.0	-4.3%
Nợ dài hạn	9.41	4.78	96.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	976	877	11.3%
Vốn chủ sở hữu	976	877	11.3%
Vốn điều lệ	0	641	-100%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	338	210	237	273	403
Giá vốn hàng bán	200	119	135	157	246
Lợi nhuận gộp	137	91.2	102	115	156
Doanh thu HĐTC	2.97	2.36	4.83	2.94	10.1
Chi phí TC	1.76	1.48	1.31	1.48	2.01
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0.49	0.45	0.07	0.56	0.85
Chi phí bán hàng	73.6	37.4	51.1	52.2	81.4
Chi phí QLDN	25.9	24.4	26.2	23.8	36.0
LN thuần từ HĐKD	39.6	30.7	28.2	41.4	47.9
Lợi nhuận khác	-0.93	-0.11	0.04	-0.08	-0.01
LN trước thuế	38.7	30.6	28.2	41.3	47.9
Lợi nhuận sau thuế	31.1	24.1	21.9	32.6	37.7
LNST của CĐ cty mẹ	30.4	24.0	21.9	32.5	37.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.1	5.97	14.2	54.0	-10.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.83	-0.06	-58.9	-48.5	90.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.04	4.00	-4.00	0	0
Tiền đầu kỳ	197	176	186	137	142
Lưu chuyển tiền thuần	10.2	9.91	-48.7	5.54	80.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	0.01	0.01	0.00	-0.01
Tiền cuối kỳ	208	186	137	142	222

(Nguồn: fireant.vn)